

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14/3/2024

V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Hương Nhu**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Huyền**.

Bà **Vũ Thị Dung**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà **Phan Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 548/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc: "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Tăng Văn A**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn T, xã L, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1993;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã L, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Nhật Bản.

(Các đương sự vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh **Tăng Văn A** trình bày: Anh và chị **Vũ Thị H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G (nay là thành phố H), tỉnh Hải Dương ngày 02/10/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì chị **H** xuất cảnh sang Nhật Bản lao động. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc với nhau nhưng do bất đồng quan điểm nên đến năm 2019 anh chị không liên lạc với nhau nữa, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Mâu thuẫn vợ

chồng đã được gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả, nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Vũ Thị H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung cũng như không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh A không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị H nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị H. Bà Vũ Thị L (là mẹ đẻ chị H) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên chị H vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị H biết. Chị H trình bày vợ chồng mâu thuẫn từ lâu, anh chị không liên lạc, không quan tâm đến nhau và đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, anh A có đơn xin ly hôn, chị hoàn toàn nhất trí. Chị xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, cũng như không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết và chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Tăng Văn A ly hôn chị Vũ Thị H. Anh A phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Tăng Văn A hiện đang sinh sống ở Việt Nam, bị đơn chị Vũ Thị H có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn T, xã L, thành phố H, tỉnh Hải Dương, hiện chị H đang lao động tại Nhật Bản. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh A không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị H. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình chị H cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà L là mẹ đẻ chị H để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh A và chị H đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Bà L vẫn liên lạc với chị H và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh A và chị H. Tại phiên tòa, anh A vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt và có quan điểm đề nghị Tòa án

giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tăng Văn A và chị Vũ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G (nay là thành phố H), tỉnh Hải Dương ngày 02/10/2012 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì chị H đi lao động tại Nhật Bản, do khoảng cách về địa lý, vợ chồng ít liên lạc nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và không còn. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay không ai quan tâm đến ai, anh A đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn chị H. Thông qua gia đình chị H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh A và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A, xử cho anh A được ly hôn chị H.

[2.2] Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh A và chị H cùng xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Tăng Văn A là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tăng Văn A, xử cho anh Tăng Văn A ly hôn chị Vũ Thị H.

2. Về án phí: Anh Tăng Văn A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000330 ngày 29/11/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh A đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Tăng Văn A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, chị Vũ Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Liên Hồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu